

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HC-ST

Ngày 28 tháng 6 năm 2021

V/v: *Khiếu kiện quyết định  
giải quyết khiếu nại về đất  
đai.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

**- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Được

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Mộc

2. Bà Nguyễn Thị Yên

**- Thư ký phiên Tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng–Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Chuốt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2020/TLST-HC ngày 29/10/2020 về việc: “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HC ngày 15 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Tô Công T, sinh năm: 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tô Thị Hồng H, sinh năm: 1961 (theo Giấy ủy quyền ngày 24/11/2020) (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Ngọc D – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (theo Giấy ủy quyền ngày 24/11/2020) (có mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đ– Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Đ – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận (theo giấy ủy quyền ngày 22/11/2020) (có mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người khởi kiện ông Tô Công T trình bày:***

Gia đình ông đang sử dụng các thửa đất số 351, diện tích 897m<sup>2</sup> và thửa 369, diện tích 1.303m<sup>2</sup> tờ bản đồ địa chính số 07 xã P, tục danh đất là Gò Thầy Pha. Nguồn gốc đất do cha ông là Tô công T sử dụng trước giải phóng. Sau giải phóng cha ông đã hiến toàn bộ ruộng cho Hợp tác xã T riêng đất Gò Thầy Pha gia đình không hiến, sau đó Hợp tác xã mượn đất làm sân đập lúa, nhai lúa cho xã viên và cam kết khi nào không sử dụng thì trả lại cho gia đình ông.

Từ năm 1993 các hộ xã viên không sử dụng sân đập lúa, nhai lúa nữa nên đất Gò Thầy Pha bỏ trống, cha ông đã lấy lại đất để sử dụng ổn định từ đó đến nay. Gia đình ông đăng ký để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo luật đất đai năm 2013 nhưng Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã P không thực hiện các thủ tục theo quy định mà bắt gia đình ông phải thuê đất. Gia đình ông không đồng ý nên khiếu nại.

Ngày 11/6/2020 Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 154/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại cho ông nhưng nội dung giải quyết không đúng pháp luật nên ông tiếp tục khiếu nại. Ngày 24/9/2020 Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 1893/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại công nhận quyết định của xã P. Các quyết định trên là trái pháp luật đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của Chủ tịch UBND xã P, huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Công T, thường trú thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

- Hủy Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Công T cư ngụ thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

***Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã P ông Nguyễn Xuân H trình bày:***

- Về thẩm quyền giải quyết và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại:

Ông Tô Công T khiếu nại Công văn số 47/UBND-KT ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND xã P.

Căn cứ Luật khiếu nại 2011, Điều 17 Thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp.

Như vậy, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 154 giải quyết khiếu nại về việc ông Tô Công T khiếu nại Công văn số 47/UBND-KT ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND xã P là đúng thẩm quyền.

- Quy trình giải quyết ban hành và nội dung Quyết định số 154:

Việc tiếp nhận và giải quyết khiếu nại:

Ngày 02/5/2020, UBND xã P nhận Công văn số 1510/UBND-NC ngày 25/4/2019 của UBND huyện N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Tô Công T, kèm theo đơn khiếu nại của ông Tô Công T.

Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND xã P xác định đây là đơn khiếu nại Công văn số 47/UBND-KT ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND xã P. Xác định nội dung của đơn là khiếu nại Quyết định hành chính của Chủ tịch UBND xã P. Như vậy, thẩm quyền thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc quyền Chủ tịch UBND xã P là phù hợp các quy định pháp luật.

Việc thụ lý đơn khiếu nại, xác minh và đối thoại nội dung đơn khiếu nại.

Nhằm thụ lý giải quyết đúng quy định, ngày 14/5/2020 Chủ tịch UBND xã P mời ông Tô Công T đến trụ sở UBND xã để xác minh ông T có đúng là người đã làm đơn khiếu nại và nội dung trong đơn có phải là ý chí của ông Tô Công T.

Tuy nhiên, ông T không đến mà ủy quyền cho bà Tô Thị Hồng H tham gia trong quá trình khiếu nại theo giấy ủy quyền số 537/UQ-VCPCCAK ngày 25/3/2020. Do giấy ủy quyền này không thể hiện nội dung khiếu nại “Công văn số 47/UBND-KT ngày 17/4/2020 của UBND xã P”. UBND xã đã đề nghị bà H bổ sung đầy đủ nội dung khiếu nại để UBND xã thụ lý giải quyết.

Ngày 21/5/2020 bà H đã bổ sung giấy ủy quyền số 1088/UQVPCCAK ngày 17/5/2020 tại phòng công chứng A. Tại buổi làm việc bà H trình bày ông T đúng là người đã làm đơn khiếu nại và nội dung trong đơn là ý chí của ông Tô Công T.

Theo đó, Chủ tịch UBND xã P đã thụ lý và giải quyết đơn khiếu nại của ông Tô Công T là phù hợp các quy định pháp luật.

Nội dung khiếu nại:

Theo đơn ông T trình bày: “Gia đình chúng tôi không đồng ý cách trả lời của UBND xã P (Nội dung công văn số 47/TB-UBND ngày 17/4/2020 của UBND xã P) vì đất này gia đình tôi đã sử dụng ổn định từ năm 1991 đến nay và không ai tranh chấp”

Đồng thời, ngày 21/5/2020 bà H đã trình bày ông T khiếu nại một phần nội dung Công văn số 47/TB-UBND ngày 17/4/2020 của UBND xã P cụ thể ông T không đồng ý nội dung tại mục 2 công văn số 47 có nội dung: “UBND xã P đề nghị ông Tô Công T giao trả lại thửa đất số 369, Tờ bản đồ số 7, diện tích 1303m<sup>2</sup> đất sân nhai lúa (CDK) cho UBND xã quản lý theo quy định, vì căn cứ Điều 100 Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực từ ngày 01/7/2014, thửa đất số 369, Tờ bản đồ số 7, diện tích 1303m<sup>2</sup> đất sân nhai lúa (CDK) trên địa bàn thôn T, xã P là đất của HTX sử dụng từ trước ngày 15/10/1993 đến nay. Mặt khác, ông Tô Công T không có một giấy tờ nào để chứng minh quá trình sử dụng thửa đất số 369, Tờ bản đồ số 7, diện tích 1303m<sup>2</sup> đất sân nhai lúa (CDK). Do vậy mà không đủ cơ sở xem xét”.

Nội dung xác minh, đối thoại:

Qua xác minh UBND xã xét thấy nội dung ông Tô Công T khiếu nại Công văn số 47/TB-UBND ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND xã P là không có cơ sở

xem xét. Vì ông T không đưa ra được quan điểm, tài liệu, chứng cứ để chứng minh nội dung ông khiếu nại là có cơ sở pháp luật để Chủ tịch UBND xã giải quyết.

Đồng thời, tại phiên đối thoại ngày 21/5/2020 bà H người đại diện theo pháp luật của ông T đã không đưa ra giấy tờ, bằng chứng nào để chứng minh nội dung Công văn số 47/TB-UBND ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND xã P là không đúng pháp luật. Như vậy, người khiếu nại đã không đưa được cơ sở pháp lý nào chứng minh Công văn số 47/TB-UBND ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND xã P là trái pháp luật.

Thời hạn và nội dung giải quyết khiếu nại:

Căn cứ theo Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011: “Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý”.

Trong trường hợp này Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 154 trong khoảng thời gian là 20 ngày. Như vậy, thời hạn giải quyết là đúng thời gian quy định.

Về nội dung tại Quyết định 154 Chủ tịch UBND xã P đã bác nội dung và trả lại đơn khiếu nại Công văn số 47/TB-UBND ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND xã P. Vì khiếu nại của ông Tô Công T không có cơ sở xem xét là phù hợp các quy định của pháp luật.

Công bố và giao quyết định khiếu nại:

Ngày 12/6/2020, Chủ tịch UBND xã công bố và giao Quyết định số 154 tại trụ sở UBND xã (theo biên bản giao nhận ngày 12/6/2020 của UBND xã). Việc giao Quyết định số 154 này là đúng thời gian.

Từ các cơ sở trên, Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Công T, thường trú thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là đúng quy định pháp luật. Đề nghị TAND tỉnh Ninh Thuận bác toàn bộ nội dung của ông Tô Công T yêu cầu hủy Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của Chủ tịch UBND xã P, huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Công T, thường trú thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

***Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Ninh Phước ông Nguyễn Hữu Đ trình bày:***

Năm 2017, hộ ông Tô Công T có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất số 351, diện tích 897 m<sup>2</sup> và thửa đất số 369, diện tích 1.303 m<sup>2</sup>, cùng thuộc tờ bản đồ địa chính số 07 xã P.

Căn cứ kết quả xác minh nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất tại gò đất Thầy Pha, ý kiến hội đồng tư vấn đất đai xã P, UBND xã P ban hành Thông báo số 47/UBND-KT ngày 17/4/2020 trả lời thống nhất đề nghị UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 351, diện tích 897 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính số 07 xã P cho hộ ông Tô Công T vì trong thửa đất có mồ mã họ tộc ông Tô Công T và ông Tô Công T đã sử dụng đất liên tục từ trước năm 1993, đất không tranh chấp; đề nghị hộ ông Tô Công T giao trả lại thửa đất số 369, diện tích 1.303

m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính số 07 xã Phước Thuận cho UBND xã P quản lý vì thửa đất này là đất sân đập lúa, nhai lúa do UBND xã P quản lý, hộ ông Tô Công T không có giấy tờ nào chứng minh quyền sử dụng đất tại thửa đất này.

Không đồng ý với một phần nội dung trả lời tại Thông báo số 47/UBND-KT ngày 17/4/2020 của UBND xã P, ông Tô Công T khiếu nại yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 369, diện tích 1.303 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính số 07 xã P, được Chủ tịch UBND xã P giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 với nội dung không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Tô Công T về việc yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 369, diện tích 1.303 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính số 07 xã P, giữ nguyên nội dung Thông báo số 47/UBND-KT ngày 17/4/2020 của UBND xã P.

Ông Tô Công T không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại 154/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của Chủ tịch UBND xã P, tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND huyện N.

Căn cứ Báo cáo số 35/BC-TTH ngày 23/9/2020 của Thanh tra huyện N về kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông Tô Công T có nội dung: Gò đất Thầy Pha tọa lạc tại thôn T, xã P có nguồn gốc từ trước năm 1975 là đất của ông Tô Công T (cha ông Tô Công T). Đến năm 1979, hợp tác xã T thấy gò đất Thầy Pha để trống nên đã trưng dụng của ông Tô Công T làm sân đập lúa, nhai lúa phục vụ cho các hộ xã viên trong hợp tác xã. Việc hợp tác xã T trưng dụng gò đất Thầy Pha của ông Tô Công T chỉ trao đổi bằng miệng, không có lập giấy tờ trưng dụng đất. Quá trình quản lý, sử dụng gò đất Thầy Pha, hợp tác xã T có nung đất mở rộng thêm diện tích gò đất phục vụ cho việc đập lúa, nhai lúa của các hộ xã viên.

Đến năm 1992, ông Nguyễn L lân, chiếm một phần diện tích đất ở hướng Bắc gò đất Thầy Pha trồng cây màu. Phát hiện sự việc, ông Tô Công T gửi đơn đến UBND xã P đề nghị giải quyết tranh chấp đất với ông Nguyễn L và xin giao trả lại gò đất Thầy Pha cho gia đình quản lý. UBND xã P phối hợp với hợp tác xã T giải quyết giao trả lại một phần diện tích đất ở hướng Bắc gò đất Thầy Pha cho gia đình ông Tô Công T vì diện tích đất này có mồ mã họ tộc của ông Tô Công T, còn diện tích đất hướng Nam gò đất Thầy Pha vẫn làm sân cho các hộ xã viên đập lúa, nhai lúa. Sau khi được giao trả lại phần diện tích đất ở hướng Bắc của gò đất Thầy Pha, ông Tô Công T giao cho ông Tô Công T canh tác sử dụng liên tục cho đến nay, không có ai tranh chấp.

Đến năm 1996, thực hiện đo đạc đất đai, thành lập Bản đồ địa chính xã P, gò đất Thầy Pha được đo đạc thể hiện trên tờ bản đồ địa chính số 07 xã P gồm thửa đất số 351, diện tích 897 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất là đất quả, quy chủ sử dụng đất của hộ ông Tô Công T (tương ứng với phần diện tích đất ở hướng Bắc gò đất Thầy Pha) và thửa đất số 369, diện tích 1.303 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất là đất chuyên dùng khác, quy chủ UBND xã P quản lý (tương ứng với phần diện tích đất ở hướng Nam gò đất Thầy Pha).

Năm 2008, nhận thấy thửa đất số 369, diện tích 1.303 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính số 07 xã Phước Thuận bỏ trống, các hộ dân không còn đập lúa, nhai lúa nữa, hộ ông Tô Công T đã lấn, chiếm đất để đậu xe máy cày và trồng cây màu. Việc hộ ông Tô Công T lấn, chiếm thửa đất số 369, diện tích 1.303 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính số 07 xã Phước Thuận bị UBND xã P lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật. Cũng trong năm 2008, hộ ông Tô Công T xây dựng nhà ở trái phép trên thửa đất số 351, diện tích 897 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính số 07 xã Phước Thuận, bị UBND xã P lập biên bản vi phạm hành chính, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và buộc phải tháo dỡ nhà ở đã xây dựng trái phép trả lại hiện trạng đất ban đầu nhưng hộ ông Tô Công T không khắc phục hậu quả mà sử dụng nhà ở đã xây dựng trái phép cho đến nay. Năm 2016, hộ ông Tô Công T tiếp tục xây dựng, coi nói thêm nhà ở cho các con trên thửa đất số 369, diện tích 1.303 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính số 07 xã P, bị UBND xã P lập biên bản đình chỉ xây dựng. Sau đó UBND xã P nhiều lần mời ông Tô Công T làm việc để ký hợp đồng thuê thửa đất số 369, diện tích 1.303 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính số 07 xã P nhưng ông Tô Công T không đồng ý.

Các ông Nguyễn Minh Đ, ông Đặng Thành N, ông Nguyễn Văn H và ông Lê Ngọc D - Nguyên Chủ tịch UBND xã P qua các thời kỳ cho biết trong giai đoạn hợp tác xã T quản lý gò đất Thầy P có huy động các xã viên nung đất mở rộng thêm diện tích gò đất để phục vụ cho việc đập lúa, nhai lúa của các hộ xã viên nên không thể nói toàn bộ diện tích gò đất Thầy Pha là trung dụng của ông Tô Công T mà còn có công mở rộng diện tích đất của hợp tác xã T. Năm 1992, UBND xã P phối hợp với hợp tác xã T giải quyết tranh chấp đất giữa ông Tô Công T và ông Nguyễn L tại gò đất Thầy Pha, giao trả thửa đất số 351, diện tích 897 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính số 07 xã P cho hộ ông Tô Công T quản lý sử dụng, còn thửa đất số 369, diện tích 1.303 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính số 07 xã Phước Thuận làm sân nhai lúa, đập lúa cho các hộ dân do UBND xã P quản lý. Việc hộ ông Tô Công T lấn, chiếm thửa đất số 369, diện tích 1.303 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính số 07 là không đúng quy định của pháp luật nên không đồng ý việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này cho hộ ông Tô Công T, đồng ý đề nghị UBND xã P xem xét cho hộ ông Tô Công T thuê lại thửa đất này để canh tác sản xuất vì hiện hộ ông Tô Công T không còn đất nông nghiệp để canh tác.

Căn cứ biên bản đối thoại giải quyết khiếu nại của ông Tô Công T, cư ngụ thôn T, xã P, huyện N ngày 13/9/2020,

Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 giải quyết khiếu nại lần hai của ông Tô Công T với nội dung công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của Chủ tịch UBND xã P và Thông báo số 47/UBND-KT ngày 17/4/2020 của UBND xã P là đúng quy định pháp luật; không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Tô Công T về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng

đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 369, diện tích 1.303 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính số 07 xã Phước Thuận cho hộ ông Tô Công T.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Các yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Công T.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Tòa án đã ra Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại lần 2 và đã tổng đạt hợp lệ cho Chủ tịch UBND huyện N nhưng Chủ tịch UBND huyện N không có mặt để tham gia phiên đối thoại và người khởi kiện đề nghị không tiến hành đối thoại nữa nên Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản về việc không tiến hành đối thoại được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi kết thúc phần phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử vào nghị án để nghị án. Ngày 28/6/2021, Hội đồng xét xử tuyên đọc bản án, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện N ông Nguyễn Hữu Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 195 Luật tố tụng hành chính Hội đồng xét xử vẫn tuyên đọc toàn bộ nội dung Bản án.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

#### **\* Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 11/6/2020, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 154/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Công T, thường trú thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày 24/9/2020, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 1893/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Công T cư ngụ thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của Chủ tịch UBND xã P và Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện N là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Sau khi nhận được các quyết định trên, ông T cho rằng quyết định này là trái pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông nên ông đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận yêu cầu hủy Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 và Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 24/9/2020, các quyết định

này còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

***Xét yêu cầu hủy Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của Chủ tịch UBND xã P, huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Công T, thường trú thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận:***

*Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 154:* Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 giải quyết khiếu nại lần đầu cho ông Tô Công T là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại năm 2011.

*Về hình thức, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 154:*

Ngày 17/4/2020, Chủ tịch UBND xã P đã ban hành Văn bản số 47/UBND-KT về việc giải quyết đơn của ông Tô Công T có nội dung: UBND xã thông nhất đề nghị UBND huyện xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Tô Công T tại thửa đất số 351, tờ bản đồ số 7, diện tích 897m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm vì trong thửa đất có mồ mã họ tộc ông Tô Công T và ông T cũng đã sử dụng liên tục từ trước ngày 15/10/1993 đến nay, đất khôn có tranh chấp và UBND xã đề nghị ông T giao trả lại thửa đất số 369, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.303m<sup>2</sup> đất sân nhai lúa (CDK) là đất của HTX sử dụng trước ngày 15/10/1993 đến nay. Ông T không có giấy tờ chứng minh quá trình sử dụng thửa đất số 369, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.303m<sup>2</sup>, nên không có cơ sở xem xét để cấp Giấy chứng nhận thửa đất này cho ông T. Không đồng ý với Văn bản số 47/UBND-KT, ông T đã làm đơn khiếu nại một phần Văn bản số 47/UBND-KT đối với nội dung yêu cầu ông T giao trả lại thửa đất số 369, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.303m<sup>2</sup> loại đất sân nhai lúa (CDK) cho UBND xã quản lý.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Tô Công T, UBND xã P đã thụ lý, tiến hành xác minh nội dung khiếu nại và tổ chức đối thoại theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

Chủ tịch UBND xã Phước Thuận giải quyết khiếu nại của ông Tô Công T bằng việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật khiếu nại 2011.

*Về nội dung Quyết định số 154:*

Ngày 11/6/2020, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 154/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu cho ông Tô Công T với nội dung: Không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Tô Công T và giữ nguyên Văn bản số 47/UBND-KT ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND xã P.

Về nguồn gốc sử dụng đất: Thửa đất số 351, tờ bản đồ số 7, diện tích 897m<sup>2</sup> và thửa đất số 369, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.303m<sup>2</sup> tại thôn T, xã P, có tục danh đất gò Thầy Pha là đất của ông Tô Công T (cha ông Tô Công T) sử dụng từ trước năm 1975. Sau năm 1975 Hợp tác xã Thuận hòa trưng dụng đất gò Thầy Pha làm sân đập lúa, nhai lúa phục vụ cho bà con xã viên trong Hợp tác xã. Đến năm 1992, các hộ xã viên không còn thường xuyên đập lúa, nhai lúa trên gò đất Thầy Pha, có ông Nguyễn L đến lấn, chiếm một phần diện tích đất có mồ, mã họ tộc ông Tô Công T trên gò đất Thầy Pha để trồng cây màu. Phát hiện sự việc ông Tô Công T



gửi đơn đến UBND xã P đề nghị giải quyết tranh chấp đất với ông Nguyễn L và xin giao trả lại thửa đất gò Thầy Pha cho gia đình ông quản lý. UBND xã P phối hợp với Hợp tác xã T giải quyết một phần diện tích đất ở hướng Bắc gò đất Thầy Pha cho ông Tô Công T, còn diện tích đất ở hướng Nam gò đất Thầy Pha vẫn là sân cho các hộ xã viên đập lúa, nhai lúa. Khi được trả lại phần diện tích đất trên ông Tô Công T cho ông Tô Công T sử dụng liên tục cho đến nay.

Theo ông Phạm Văn M – Chủ nhiệm Hợp tác xã T giai đoạn từ năm 1979 đến năm 1982 gò đất thầy pha và diện tích đất ruộng lúa tại vùng Thầy pha có nguồn gốc trước đây là của ông Tô Công T. Sau năm 1975, ông Tô Công T đã hiến diện tích đất ruộng lúa tại vùng Thầy Pha vào hợp tác xã T, riêng đất gò Thầy Pha ông Tô Công T không hiến vào hợp tác xã. Đến năm 1979, lúc này ông Phạm Văn M làm chủ nhiệm Hợp tác xã T thấy gò đất Thầy Pha để trống nên nói với ông Tô Công T trưng dụng để làm sân đập lúa, nhai lúa phục vụ cho các hộ xã viên trong hợp tác xã. Khi trưng dụng gò đất Thầy pha, hợp tác xã có nói bằng miệng với ông Tào đến khi nào hợp tác xã không còn sử dụng làm sân đập lúa, nhai lúa nữa thì sẽ trả lại cho ông Tô Công T.

Theo lời khai của ông Nguyễn Minh Đ, ông Đặng Thành N, ông Nguyễn Văn H và ông Lê Ngọc D – nguyên là chủ tịch UBND xã P qua các thời kỳ đều trình bày gò đất Thầy Pha là trưng dụng của ông Tô Công Tào.

Nội dung của Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của Chủ tịch UBND xã P cho rằng thửa đất số 396, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.303m<sup>2</sup> đất sân nhai lúa (CDK) đã quy chủ cho UBND xã quản lý là không có cơ sở. Bởi vì, UBND xã P không có chứng cứ chứng minh thửa đất số 369, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.303m<sup>2</sup> tại thôn T, xã P thuộc quyền quản lý của UBND xã P hay Hợp tác xã T trước khi bị giải thể.

Ngoài ra, Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của Chủ tịch UBND xã P có nêu: Năm 2004, ông T xây dựng nhà ở trên đất gò Thầy Pha (tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.303m<sup>2</sup> đất sân nhai lúa (CDK)), UBND xã lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính. Yêu cầu ông tự tháo dỡ trả lại hiện trạng của đất như ban đầu khi chưa vi phạm. Tuy nhiên ông chưa khắc phục hậu quả và ông đã sử dụng ngôi nhà xây trái phép cho đến nay. Còn tại Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện N lại nêu: Năm 2008, nhận thấy thửa đất số 396, diện tích 1.303m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 7 xã P bỏ trống các hộ không còn đập lúa, nhai lúa nữa hộ ông T đã đến lấn, chiếm đất để đậu xe máy cày và trồng cây màu.... Cũng trong năm 2008 hộ ông T xây dựng nhà ở trái phép trên thửa đất 351, diện tích 897m<sup>2</sup>, tờ bản đồ địa chính số 7 xã P bị UBND xã P lập biên bản vi phạm hành chính, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và buộc phải tháo dỡ nhà ở đã xây dựng trái phép trả lại hiện trạng đất ban đầu nhưng hộ ông T không khắc phục hậu quả mà sử dụng nhà ở trái phép cho đến nay. Như vậy, hộ ông T đã bị cơ quan nhà nước ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính buộc trả lại hiện trạng đất như ban đầu nhưng ông T không khắc phục và vẫn tiếp tục sử dụng cho đến nay mà UBND xã P cũng như UBND huyện N cũng không sử dụng các biện pháp cưỡng chế để ông T phải khắc phục hậu quả.

Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã P trình bày: “*Năm 2014 – 2015 Ban quản lý thôn T có mời ông Tô Công T về tại văn phòng thôn ký hợp đồng cho thuê thửa đất 396, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.303m<sup>2</sup>*

đất sân nhai lúa (CDK) nêu trên, với giá là 500.000 đồng/năm để ông T canh tác. Ông T đã ký hợp đồng và nộp tiền thuê đất cho thôn”. Hội đồng xét xử yêu cầu UBND xã P cung cấp Hợp đồng thuê đất giữa UBND xã và ông Tô Công T nhưng phía UBND xã P không cung cấp được Hợp đồng thuê đất theo yêu cầu của Hội đồng xét xử và tại phiên tòa ông Tô Công T cũng không thừa nhận việc thuê đất của UBND xã P và Ban quản lý thôn Thuận hòa cũng không có thẩm quyền cho thuê đất.

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ để xác định, gò đất Thầy Pha có nguồn gốc trước đây là của ông Tô Công T, năm 1979 hợp tác xã T trưng dụng gò đất Thầy Pha của ông T để sử dụng làm sân đập lúa, nhai lúa cho các hộ xã viên trong Hợp tác xã, ông Tô Công T không hiến gò đất Thầy Pha cho hợp tác xã T. Đến năm 1993 Hợp tác xã T giải thể nên ông Tô Công T lấy lại đất để sử dụng sau này cho lại con là ông Tô Công T. Ông T đã sử dụng từ năm 1993 cho đến nay. Trên thửa đất số 351, tờ bản đồ số 7, diện tích 897m<sup>2</sup> còn có mồ mã họ tộc ông Tô Công T.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã P và đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện N còn cho rằng thửa đất 396, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.303m<sup>2</sup> ông T không có một giấy tờ nào để chứng minh thửa đất này là của gia đình ông là không có cơ sở. Bởi vì, Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Tòa án ông T đã nộp một **bản vi bằng** ngày 08/11/1960 có con dấu của Việt nam cộng hòa trong đó có thể hiện nội dung diện tích ruộng Thầy Pha là của ông Tô Công D (ông nội của ông Tô Công T).

Điều g khoản 1 Điều 100 luật đất đai năm 2013 quy định:

*1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định mà có một trong các loại giấy tờ sau đây thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất:*

*g) Các loại giấy tờ khác được xác lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 theo quy định của Chính phủ.*

Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai quy định:

*Các giấy tờ khác lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai có tên người sử dụng đất, bao gồm:*

*1. Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980.*

Như vậy, Hộ ông T đã sử dụng ổn định, liên tục theo quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai và có giấy tờ hợp pháp theo quy định tại điểm g điều 100 Luật đất đai năm 2013 nên ông Tô Công T phải được Nhà nước công nhận quyền sử dụng các thửa đất số 351, tờ bản đồ số 7, diện tích 897m<sup>2</sup> và thửa đất số 369, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.303m<sup>2</sup> tại thôn T, xã P. Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của Chủ tịch UBND xã P giải quyết không công nhận nội dung khiếu nại của ông T là không có cơ sở, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Công T hủy bỏ Quyết định số 154/QĐ-UBND.

**Xét yêu cầu hủy Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Công T cư ngụ thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

Như đã phân tích ở trên, Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của Chủ tịch UBND xã P ban hành không đúng pháp luật nhưng Chủ tịch UBND huyện N lại ban hành Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 giải quyết khiếu nại lần 2 cho ông Tô công T giữ nguyên Quyết định 154/QĐ-UBND làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T nên cần thiết phải hủy bỏ Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện N.

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Tô Công T không khởi kiện Thông báo số 47/UBND-KT ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND xã P về việc giải quyết đơn của ông Tô Công T. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy: Thông báo này có nội dung làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tô Công T nhưng Chủ tịch UBND xã P và Chủ tịch UBND huyện N lại ban hành quyết định giải quyết khiếu nại giữ nguyên Thông báo số 47/UBND-KT ngày 17/4/2020.

Theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính thì:

*“1. Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính... quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.*

*2. Hội đồng xét xử có quyền quyết định:*

*...b) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc quyết định hành chính trái pháp luật và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có)...”.*

Căn cứ quy định trên, Hội đồng xét xử tuyên hủy Thông báo số 47/UBND-KT ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND xã P về việc giải quyết đơn của ông Tô Công T.

Từ các nội dung đã phân tích, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Công T.

Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, Điều 164, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 100 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 18, Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Công T về việc:

- Hủy Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của Chủ tịch UBND xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Công Trinh, thường trú thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

- Hủy Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Tô Công T cư ngụ thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

\* Hội đồng xét xử tuyên hủy Thông báo số 47/UBND-KT ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND xã Phước Thuận về việc giải quyết đơn của ông Tô Công T.

**3. Về án phí:**

UBND xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm;

UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Tô Công T 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm do bà Tô Thị Hồng H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0018915 ngày 24/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Văn Mộc      Nguyễn Thị Yến**

**Nguyễn Văn Được**